

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/DS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2022
Về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mụm.

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **V. T. T. S**, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố X 1, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- Bị đơn: ông **J. HQ**, sinh năm 1976; Quốc tịch: Trung Quốc; Số hộ chiếu: 000000; địa chỉ nơi làm việc cuối cùng: Công ty K, Khu Công nghiệp T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông **V. C. M**, sinh năm 1987 – Thanh tra viên, cán bộ phiên dịch tiếng Trung Quốc thuộc Sở ngoại vụ tỉnh Tây Ninh (theo giấy giới thiệu ngày 28/10/2022) – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà V. T. T. S trình bày:

Bà và ông J. HQ là đồng nghiệp làm chung tại Công ty K khoảng từ năm 2020. Ngày 15/3/2021 bà cho ông J. HQ vay số tiền 513.000.000 đồng, không

thoả thuận lãi suất, khi vay tiền ông J. HQ không thể chấp tài sản gì cho bà. Hai bên thoả thuận trong thời gian từ ngày vay cho đến trước ngày 21/01/2022 ông J. HQ phải trả cho bà số tiền 237.000.000 đồng, từ ngày 25/02/2022 đến trước ngày 25/7/2022, mỗi tháng ông J. HQ phải trả cho bà 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 28/01/2022, ông J. HQ vẫn không trả cho bà số tiền nào nên ngày 28/01/2022, bà và ông J. HQ làm giấy xác nhận nợ, nội dung ông J. HQ vẫn còn nợ bà số tiền 513.000.000 đồng, đồng thời, ông J. HQ cam kết: ngày 28/02/2022 sẽ trả cho bà số tiền 237.000.000 đồng; từ ngày 30/3/2022 đến ngày 30/7/2022, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng; ngày 30/9/2022 trả 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông J. HQ không thực hiện theo đúng cam kết. ngày 29/01/2022, ông J. HQ mới trả cho bà được số tiền 9.140.000 đồng nhưng ông J. HQ lại vay lại 1.000.000 đồng nên số tiền ông J. HQ trả cho bà là 8.140.000 đồng và còn nợ lại bà số tiền 504.860.000 đồng. Số tiền ông J. HQ vay của bà do một mình ông J. HQ vay nên nay bà chỉ yêu cầu một mình ông J. HQ trả cho bà số tiền nợ gốc 504.860.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng, bà không yêu cầu tính lãi và không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn – ông J. HQ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên toà xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. T. T. S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông J. HQ, buộc ông J. HQ có nghĩa vụ trả cho bà V. T. T. S số tiền 504.860.000 đồng, ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06, ngày 28/7/2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với ông J. HQ. Về án phí: ông J. HQ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – ông J. HQ đã được Toà án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông J. HQ là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 504.860.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi làm việc tại Công ty K, địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp T, tỉnh Tây Ninh. Qua xác minh, ông J. HQ đã nghỉ việc tại Công ty K từ ngày 26/3/2022. Giấy xác nhận nợ ngày 28/01/2022 ông J. HQ cung cấp địa chỉ của ông tại B429 chung cư Thới An Apartment, Quốc lộ 1A, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện “*Tại Chung cư Thới An, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh không có địa chỉ B429 chung cư Thới An Apartment, Quốc lộ 1A, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Theo điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì “*người bị kiện là người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thì nơi cư trú của họ được xác định theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*” và khi ký hợp đồng lao động với ông J. HQ, Công ty K đã khai báo tạm trú cho ông J. HQ theo Điều 33, Điều 34 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014. Do đó, Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng xác định nơi cư trú cuối cùng và nơi làm việc cuối cùng của ông J. HQ là tại Công ty K, địa chỉ trụ sở khu công nghiệp T, tỉnh Tây Ninh và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 504.860.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng: bà S trình bày ngày 15/3/2021 bà cho ông J. HQ vay số tiền 513.000.000 đồng, hai bên thoả thuận trong thời gian từ ngày vay cho đến trước ngày 21/01/2022 ông J. HQ phải trả cho bà số tiền 237.000.000 đồng, từ ngày 25/02/2022 đến trước ngày 25/7/2022, mỗi tháng ông J. HQ phải trả cho bà 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 28/01/2022, ông J. HQ vẫn chưa trả cho bà số tiền nào nên bà và ông J. HQ làm giấy xác nhận nợ với nội dung số tiền ông J. HQ vay bà S là 513.000.000 đồng, bên vay đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 15/3/2021. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là Giấy xác nhận nợ ngày 28/01/2022. Tại Kết luận giám định số 4866/KL-KTHS ngày 23/9/2022 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Chữ ký, chữ viết họ tên “J. HQ” tại vị trí góc phải lẻ dưới mặt trước và dưới mục “Bên B” trên tài liệu giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên J. HQ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và chữ ký, chữ viết đứng tên J. HQ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra*”. Do đó, có cơ sở xác định, số tiền 513.000.000 đồng

ông J. HQ vay của bà V. T. T. S là có thật. Theo Giấy xác nhận nợ ngày 28/01/2022, ông J. HQ cam kết đến ngày 28/02/2022 sẽ trả cho bà S số tiền 237.000.000 đồng; từ ngày 30/3/2022 đến ngày 30/7/2022, mỗi tháng trả 50.000.000 đồng; ngày 30/9/2022 trả 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 29/01/2022, ông J. HQ mới trả cho bà được 8.140.000 đồng và còn nợ lại bà số tiền 504.860.000 đồng. Việc ông J. HQ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, nay bà S khởi kiện yêu cầu ông J. HQ trả số tiền gốc còn nợ là 504.860.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Bà S không yêu cầu vợ ông J. HQ trả nợ và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} + (104.860.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 24.194.000$ (Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký là 3.400.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên ông J. HQ phải chịu chi phí giám định theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà S đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông J. HQ phải trả lại cho bà S số tiền 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

[7] Về chi phí phiên dịch: Chi phí phiên dịch là 2.000.000 đồng. Bà S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phiên dịch nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. T. T. S đối với ông J. HQ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông J. HQ có nghĩa vụ trả cho bà V. T. T. S số tiền 504.860.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm hoãn xuất cảnh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông J. HQ phải chịu 24.194.000 (Hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà V. T. T. S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.097.200 (Mười hai triệu không trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023649 ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông J. HQ có nghĩa vụ trả lại bà V. T. T. S số tiền 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn) đồng chi phí giám định.

5. Về quyền kháng cáo: bà V. T. T. S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông J. HQ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Quận 12, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến